

Số: /KH-UBND

Điềm He, ngày tháng 5 năm 2026

## KẾ HOẠCH

### **Phát triển nông, lâm nghiệp chủ lực tập trung, bền vững gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm giai đoạn 2026-2030**

Thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TU ngày 03 tháng 3 năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển nông, lâm nghiệp tập trung, bền vững gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm giai đoạn 2026-2030; Kế hoạch số 70-KH/ĐU ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy xã Điềm He về thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TU, ngày 03/3/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển nông, lâm nghiệp tập trung, bền vững gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm giai đoạn 2026-2030; Kế hoạch số 122/KH-UBND ngày 01/4/2026 của UBND tỉnh Lạng Sơn về phát triển nông, lâm nghiệp tập trung, bền vững gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm giai đoạn 2026-2030.

Căn cứ tình hình thực tế và tiềm năng phát triển nông, lâm nghiệp của địa phương. Ủy ban nhân dân xã Điềm He ban hành Kế hoạch phát triển nông, lâm nghiệp tập trung, bền vững gắn với tiêu thụ sản phẩm giai đoạn 2026-2030 như sau:

## I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

### 1. Mục đích

Tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các nhiệm vụ về phát triển nông, lâm nghiệp tập trung, bền vững gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm giai đoạn 2026-2030 theo Nghị quyết số 24-NQ/TU ngày 03 tháng 3 năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển nông, lâm nghiệp tập trung, bền vững gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm giai đoạn 2026-2030, Kế hoạch số 70-KH/ĐU ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy xã Điềm He và Kế hoạch số 122/KH-UBND ngày 01/4/2026 của UBND tỉnh Lạng Sơn.

### 2. Yêu cầu

Xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp chủ yếu để các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã; các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch hành động, cụ thể hóa thành các chương trình, đề án và tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ về phát triển nông, lâm nghiệp tập trung, bền vững gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm giai đoạn 2026-2030.

## II. MỤC TIÊU

### 1. Mục tiêu chung

Tập trung khai thác, tận dụng tốt lợi thế về điều kiện tự nhiên, xây dựng và phát triển các vùng sản xuất nông, lâm nghiệp tập trung theo chuỗi giá trị; ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến vào sản xuất, phát triển sản phẩm có chất lượng, sức

ạnh tranh cao và bền vững, đạt các tiêu chuẩn kỹ thuật và chất lượng theo yêu cầu của thị trường, tăng thu nhập cho người sản xuất nông nghiệp; tăng hiệu quả quản lý, sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

## **2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030**

- Cơ cấu nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 12-13% trong cơ cấu kinh tế của xã; phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản giai đoạn 2026 - 2030 đạt bình quân 3,6% trở lên. Phát triển nông nghiệp ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến; nâng cao chất lượng sản phẩm nông sản hàng hóa chủ lực theo chuỗi giá trị gắn với bảo quản, chế biến, xây dựng, phát triển và bảo vệ thương hiệu, đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và hướng tới xuất khẩu.

Tập trung duy trì diện tích 2.500ha cây Hồi hiện có và có các giải pháp nâng cao chất lượng, năng suất, sản lượng, phòng trừ sâu bệnh hiệu quả; phát triển cây Keo với diện tích từ 600 ha trở lên. Thực hiện tốt công tác bảo vệ rừng phòng hộ, rừng tự nhiên hiện có, kết hợp phát triển, khai thác tốt nguồn lâm sản có giá trị theo quy định.

Cây ăn quả: tập trung phát triển diện tích các loại cây trồng chủ lực có tiềm năng như: Cây Hồng (Hồng vành khuyên và Hồng giòn Fuyu, Jiro) từ 100 ha trở lên; Cây Dẻ lấy hạt và cây Mác ca từ 60 ha trở lên.

- Đối với cây hàng năm: tập trung phát triển vùng sản xuất dựa trên tiềm năng, thế mạnh của địa phương phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng như: Cây khoai lang, cây ớt, cây dứa với diện tích phát triển từ 50 ha trở lên.

- Đối với vật nuôi và thủy sản: duy trì tổng đàn trâu, tổng đàn bò, đàn lợn, đàn gia cầm hiện có và áp dụng các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học, chuyển đổi phương thức chăn nuôi phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế xã hội. Tập trung phát triển nâng tổng đàn ngựa bạch từ 200 con trở lên; phát triển đàn ong mật từ 600 tổ trở lên; phát triển nuôi cá lồng trên hệ thống Sông Mopia và sông Kỳ Cùng từ 50 lồng cá trở lên...

- Tập trung xây dựng bao bì, nhãn hiệu và hoàn thiện các sản phẩm từ hoa Hồi, Hồng vành khuyên, Thanh Long, Chuối, Khoai lang, Dưa hấu, Mật ong, Khẩu sli, đường mía,... và các sản phẩm có tiềm năng khác trên địa bàn theo hướng chế biến đa dạng các hình thức sản phẩm có bao bì, nhãn mác đảm bảo quy định và phát triển thành các sản phẩm OCOP.

## **III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM**

**1. Phát triển vùng sản xuất hàng hóa các loại sản phẩm chủ lực, có thế mạnh cạnh tranh**

### **1.1. Phát triển vùng trồng Hồi**

- Định hướng chung: Tập trung duy trì tốt diện tích cây Hồi hiện có 2.500ha và có các giải pháp nâng cao chất lượng, năng suất, sản lượng, phòng trừ sâu bệnh hiệu quả; cải tạo để trồng thay thế diện tích hồi già cỗi, có năng suất chất lượng thấp, ưu tiên trồng lại bằng giống cây Hồi ghép; Áp dụng các biện pháp kỹ thuật lâm sinh

nâng cao năng suất, chất lượng rừng Hồi theo tiêu chuẩn VietGAP, mã số vùng trồng để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hoa Hồi, gắn phát triển rừng Hồi với phát triển du lịch sinh thái, nhằm nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống của người trồng Hồi.

- Vùng sản xuất tập trung: vùng hồi tập trung tại địa bàn các thôn Khòn Cải, Khòn Tầu, Khòn Lạn, Khòn Duông – Phiêng Phúc, Việt Yên, Nà Me, Bản Hẻo, Cồn Pù, Khau Ngòa, Thống Nhất, Phú Nhuận, Trung Kiên, Điem He 1, Điem He 2, Chi Quan...

- Chế biến, tiêu thụ sản phẩm: giai đoạn 2026-2030, tiếp tục duy trì Chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, xây dựng thương hiệu sản phẩm Hồi. Thu hút doanh nghiệp chế biến các sản phẩm hồi và các hợp tác xã tham gia vào chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm mở rộng phát triển vùng chỉ dẫn địa lý hoa Hồi.

### ***1.2. Phát triển vùng trồng Keo***

- Định hướng chung: phát triển cây Keo với diện tích từ 600 ha trở lên. Thực hiện tốt công tác bảo vệ rừng phòng hộ, rừng tự nhiên hiện có, kết hợp phát triển, khai thác tốt nguồn lâm sản có giá trị theo quy định. Trồng lại rừng sau khai thác bằng các giống mới có năng suất, chất lượng cao, cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững, cấp mã số vùng trồng rừng, áp dụng các biện pháp kỹ thuật tiên tiến vào quy trình sản xuất từ giai đoạn chuẩn bị hiện trường, trồng rừng, chăm sóc bảo vệ rừng trồng và khai thác sản phẩm.

- Vùng sản xuất tập trung: vùng keo tập trung tại địa bàn các thôn Bản Thượng, Bản Hạ, Bản Nhang, Phiêng Lầy, Bản Hẻo, Phù Huê, Khòn Lạn, Khòn Duông – Phiêng Phúc...

- Chế biến, tiêu thụ sản phẩm: phát triển các hình thức tổ chức sản xuất lâm nghiệp, đẩy mạnh liên kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình trong sản xuất, chế biến gỗ, xúc tiến tìm kiếm thị trường tiêu thụ; giảm tỷ lệ sản phẩm chế biến thô, giảm cơ sở chế biến quy mô nhỏ thủ công. Thu hút 2-3 nhà đầu tư, doanh nghiệp, Hợp tác xã chế biến có uy tín, kinh nghiệm và năng lực đầu tư các cơ sở thu gom, chế biến gỗ keo phục vụ thị trường nội địa và xuất khẩu.

### ***1.3. Phát triển vùng trồng Mắc ca, Hạt dẻ***

- Định hướng chung: phát triển cây Mắc ca, Hạt dẻ trở thành cây trồng chủ lực có giá trị kinh tế cao, gắn với bảo tồn nguồn gen, du lịch sinh thái, nâng cao giá trị kinh tế và phát triển sinh kế bền vững cho người dân. Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất, chất lượng; kết hợp phát triển vùng trồng Dẻ gắn với du lịch tại các thôn có lợi thế. Khuyến khích phát triển theo hướng bền vững, ứng dụng khoa học kỹ thuật, sử dụng giống chất lượng cao, thích ứng với biến đổi khí hậu, diện tích đến năm 2030 từ 60 ha trở lên.

- Vùng sản xuất tập trung: hình thành, phát triển, mở rộng ở các vùng sản xuất hiện có tại các thôn Khun Pầu, Pác Làng, Thống Nhất, Nà Bung, Nà Súng...

- Chế biến, tiêu thụ sản phẩm: khuyến khích đầu tư phát triển hệ thống sơ chế, chế biến hạt Mắc ca đồng bộ với vùng nguyên liệu; đa dạng hóa sản phẩm (hạt sấy,

nhân Mắc ca, dầu Mắc ca...), phát triển sản phẩm OCOP. Xây dựng chuỗi liên kết từ sản xuất – chế biến – tiêu thụ; phát triển thương hiệu, nhãn hiệu sản phẩm; mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước, nâng cao giá trị gia tăng và tính ổn định đầu ra cho sản phẩm Mắc ca.

#### ***1.4. Phát triển vùng trồng Hồng***

- Định hướng chung: cải tạo diện tích hồng kém hiệu quả, tập trung thâm canh nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; tiếp tục mở rộng thêm diện tích đối với nơi có điều kiện; đẩy mạnh chế biến, chế biến sâu; đa dạng hoá sản phẩm đáp ứng yêu cầu thị trường. Phát triển vùng trồng hồng gắn với du lịch.

- Vùng sản xuất tập trung: vùng hồng tập trung tại địa bàn các thôn Thống Nhất, Pác Làng, Khun Pàu, Kòn Pù, Khau Ngò, Phù Huê, Bản Hẻo... Giai đoạn 2026-2030 diện tích trồng hồng đạt từ 100 ha trở lên.

- Các giải pháp kỹ thuật: cải tạo, thay thế những diện tích già cỗi, năng suất thấp; đẩy mạnh thâm canh; mở rộng diện tích sản xuất hồng theo tiêu chuẩn VietGAP, cấp mã số vùng trồng đáp ứng yêu cầu thị trường. Xây dựng các mô hình sản xuất gắn với du lịch.

- Chế biến, tiêu thụ sản phẩm: thu hút đầu tư các cơ sở chế biến các sản phẩm từ quả hồng, đồng thời khuyến khích các hợp tác xã, doanh nghiệp tham gia vào chuỗi liên kết, tiêu thụ sản phẩm, phát triển sản phẩm OCOP.

#### ***1.5 Phát triển và mở rộng diện tích cây hàng năm***

- Định hướng chung: tập trung phát triển vùng sản xuất dựa trên tiềm năng, thế mạnh của địa phương phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng như: Cây khoai lang, cây ớt, cây dứa với diện tích phát triển từ 50 ha trở lên tại các thôn Pác Làng, Thống Nhất, Khun Pàu, Nà Bung, Phú Nhuận, Nà Súng, Kòn Pù.

- Các giải pháp kỹ thuật: thâm canh theo hướng an toàn, bền vững; chuyển đổi cơ cấu giống phục vụ chế biến; mở rộng diện tích sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, Global GAP, cấp mã số vùng trồng... đáp ứng yêu cầu thị trường.

- Chế biến, tiêu thụ sản phẩm: thu hút các doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư vào chế biến sản phẩm; tham gia vào chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm.

#### ***1.6. Phát triển chăn nuôi, thủy sản***

- Đối với chăn nuôi trâu, bò: duy trì ổn định và phát triển đàn trâu, bò theo hướng bền vững tại các địa bàn có lợi thế, khuyến khích nuôi sinh sản, nuôi vỗ béo phù hợp điều kiện địa phương, gắn với cải tạo giống và nâng cao hiệu quả chăn nuôi; tăng cường phòng, chống dịch bệnh, bảo vệ môi trường. Ưu tiên chăn nuôi an toàn sinh học, phát triển trang trại, gia trại và hộ chăn nuôi quy mô phù hợp, gắn với liên kết tiêu thụ, ổn định đàn và nâng cao hiệu quả kinh tế.

- Phát triển chăn nuôi gia cầm theo hướng hàng hóa, an toàn dịch bệnh, khuyến khích mô hình chăn nuôi tập trung, bán chăn thả, áp dụng quy trình kỹ thuật tiên tiến, đáp ứng nhu cầu thị trường, có kiểm soát, ưu tiên an toàn sinh học, hạn chế chăn nuôi nhỏ lẻ trong khu dân cư, bảo đảm an toàn dịch bệnh và vệ sinh môi trường.

- Phát triển đàn ngựa tại các địa bàn có lợi thế, theo hướng ổn định, phù hợp điều kiện tự nhiên và tập quán chăn nuôi địa phương, tận dụng được lợi thế địa hình đồi núi để phát triển hình thức bán chăn thả nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế cho người chăn nuôi.

- Phát triển thủy sản tại các địa bàn có lợi thế về nguồn nước, duy trì diện tích nuôi thủy sản trong ao, hồ, đập, nghiên cứu các điều kiện phát triển nuôi cá lồng trên hệ thống sông Mêphía và sông Kỳ cùng.

- Chế biến, tiêu thụ sản phẩm: tổ chức sản xuất theo vùng, theo chuỗi liên kết, khuyến khích phát triển trang trại, gia trại, tổ hợp tác, hợp tác xã gắn với tiêu thụ sản phẩm; khuyến khích phát triển chăn nuôi gắn với truy xuất nguồn gốc, an toàn thực phẩm, nâng tỷ lệ sản phẩm qua kiểm soát thú y; tăng cường chuyển giao khoa học kỹ thuật, tập huấn cho người chăn nuôi, nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong phát triển chăn nuôi bền vững. Thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào chế biến sản phẩm từ thịt; khuyến khích các doanh nghiệp, HTX chế biến tại cơ sở để tận dụng nguồn lực sẵn có.

## **2. Phát triển các loại cây có tiềm năng**

### **2.1. Cây Khoai lang**

- Định hướng chung: tập trung phát triển vùng sản xuất dựa trên tiềm năng, thế mạnh của địa phương phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng như: Cây khoai lang, diện tích phát triển từ 50 ha trở lên.

Các giải pháp kỹ thuật: thâm canh theo hướng an toàn, bền vững; chuyển đổi cơ cấu giống phục vụ chế biến; mở rộng diện tích sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, Global GAP, cấp mã số vùng trồng... đáp ứng yêu cầu thị trường.

- Chế biến, tiêu thụ sản phẩm: thu hút các doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư vào chế biến sâu sản phẩm từ khoai lang; tham gia vào chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm.

### **2.2. Cây Dược liệu**

- Định hướng chung: duy trì và phát triển diện tích trồng dược liệu giai đoạn 2025 - 2030 đạt khoảng 10 ha; triển khai các mô hình trồng dược liệu dưới tán rừng, áp dụng kỹ thuật trồng, chăm sóc tiên tiến, công nghệ cao để làm điểu trình diễn và học tập nhân rộng; tập trung phát triển các loài dược liệu có thế mạnh của tỉnh như: trà hoa vàng, ba kích, sa nhân, cát sâm, lá khôi...; đẩy mạnh chế biến, chế biến sâu; đa dạng hoá sản phẩm đáp ứng yêu cầu thị trường.

- Chế biến, tiêu thụ sản phẩm: khuyến khích đầu tư công nghệ chế biến, chế biến sâu các loài cây dược liệu có thế mạnh phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng của địa phương; xúc tiến tìm kiếm thị trường tiêu thụ, xây dựng các chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm với các doanh nghiệp sản xuất, bào chế dược liệu trong và ngoài tỉnh.

## **IV. GIẢI PHÁP**

### **1. Công tác tuyên truyền**

- Tổ chức thông tin, tuyên truyền về quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Kế hoạch đến các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác và các tầng lớp Nhân dân trên địa bàn.

- Tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, người dân và cán bộ quản lý của địa phương về định hướng phát triển các sản phẩm nông, lâm nghiệp chủ lực, đặc sản của địa phương theo hướng liên kết, tạo ra sản phẩm hàng hóa. Chú trọng đa dạng, đổi mới các hình thức tuyên truyền: biên tập tài liệu hướng dẫn triển khai theo từng sản phẩm chủ lực; chuyên trang, chuyên mục truyền thông về nông, lâm nghiệp chủ lực nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến rộng rãi trong Nhân dân về ý nghĩa sản xuất hàng hóa chủ lực theo vùng nguyên liệu tập trung, bền vững gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

Chủ động phối hợp với doanh nghiệp, hợp tác xã và các cơ quan truyền thông đẩy mạnh tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu các sản phẩm chủ lực, đặc trưng của địa phương; chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao hiệu quả quảng bá, xúc tiến thương mại góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất và tiêu thụ nông sản của xã. Đẩy mạnh các hoạt động kết nối cung cầu, triển lãm, quảng bá giới thiệu sản phẩm, gắn kết với các hoạt động du lịch, đưa nông sản của xã đến với người tiêu dùng trên phạm vi cả nước và hướng tới xuất khẩu.

## **2. Về chính sách**

Triển khai thực hiện các nội dung theo Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 26/3/2026 của Hội đồng Nhân dân tỉnh về một số chính sách hỗ trợ đầu tư vào nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2026-2030 và các hướng dẫn của các Sở, ban ngành có liên quan về trình tự, thủ tục, hồ sơ thực hiện một số chính sách hỗ trợ đầu tư vào nông nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030. Đồng thời, rà soát, đánh giá hiệu quả các chính sách đã ban hành để kịp thời báo cáo, kiến nghị, đề xuất với cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với thực trạng và xu hướng phát triển nông lâm nghiệp của địa phương tại từng thời điểm nhằm hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cơ sở sơ chế, bảo quản, chế biến, chế biến sâu sản phẩm.

## **3. Về tổ chức sản xuất**

Xác định quy mô vùng sản xuất các loại cây trồng, vùng chăn nuôi tập trung trong phương án quy hoạch của xã và các quy hoạch có liên quan khác; gắn phát triển vùng nguyên liệu với xây dựng và phát triển các cơ sở bảo quản, chế biến sản phẩm.

- Khuyến khích các doanh nghiệp, Hợp tác xã đầu tư xây dựng cơ sở sơ chế, chế biến sản phẩm các loại sản phẩm chủ lực, đặc sản có giá trị kinh tế cao; phối hợp chặt chẽ với các doanh nghiệp định hướng quy mô vùng trồng, vùng chăn nuôi; thúc đẩy hình thành các chuỗi liên kết sản xuất từ xây dựng vùng trồng, chăn nuôi đến chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp hỗ trợ phát triển Hợp tác xã cả về chiều rộng và chiều sâu, đặc biệt chú trọng hỗ trợ thành lập mới và nâng cao năng lực cho các thành viên Hợp tác xã để làm đầu mối liên kết với các doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm.

- Đòi hỏi hộ gia đình, cần liên kết dưới hình thức tổ hợp tác, hợp tác xã để hình thành vùng sản xuất tập trung, quy mô lớn, gắn với xây dựng mã số vùng trồng truy xuất nguồn gốc và tiêu thụ sản phẩm. Đồng thời, tích cực tham gia các tập huấn, tăng cường kỹ năng sản xuất, kiến thức thị trường. Vận động nhân dân chuyển đổi từ chăn nuôi nhỏ lẻ sang chăn nuôi tập trung, an toàn sinh học.

#### **4. Về khoa học và công nghệ**

- Thực hiện từng bước chuyển đổi số trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ các sản phẩm nông, lâm nghiệp nhất là các sản phẩm chủ lực, đặc sản có giá trị kinh tế cao của địa phương. Số hóa trong quản lý các vùng trồng, truy xuất nguồn gốc nông sản.

- Khuyến khích sử dụng các giống cây trồng, vật nuôi mới tạo đột phá về năng suất, chất lượng; chống chịu sâu bệnh hại, thích ứng điều kiện biến đổi khí hậu.

- Tiếp tục thực hiện các biện pháp để rải vụ thu hoạch; quy trình canh tác tiên tiến; công nghệ xử lý, bảo quản, chế biến, giảm tổn thất sau thu hoạch phù hợp với từng điều kiện cụ thể.

- Áp dụng các giải pháp cơ giới hóa các khâu chăm sóc và thu hoạch; dây chuyền thiết bị bảo quản, chế biến hướng tới xuất khẩu.

- Xây dựng các chương trình khuyến nông về canh tác tiên tiến, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; ưu tiên chuyển giao tiến bộ kỹ thuật thâm canh cây trồng nông lâm nghiệp chủ lực, đặc sản có giá trị kinh tế cao bền vững tại các vùng trồng tập trung, áp dụng theo các tiêu chuẩn kỹ thuật GAP, hữu cơ, mã số vùng trồng, ... đáp ứng nhu cầu của thị trường; ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, chế biến, bảo quản sản phẩm.

- Hỗ trợ nông dân kết nối với các doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

- Cải tiến, nâng cao chất lượng, mẫu mã bao bì, đa dạng hoá sản phẩm nhằm đáp ứng thị hiếu, nhu cầu người tiêu dùng, tăng sức cạnh tranh của các sản phẩm trên thị trường trong và ngoài nước.

#### **5. Về đầu tư**

- Khuyến khích, vận động các hộ gia đình đẩy mạnh đầu tư phát triển sản phẩm chủ lực, đặc sản có giá trị kinh tế cao để hình thành theo vùng nguyên liệu tập trung và liên kết thành tổ hợp tác, Hợp tác xã để kết nối với các doanh nghiệp, Hợp tác xã đầu tư trong chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

- Kết hợp với doanh nghiệp đầu tư xây dựng, chỉnh trang các điểm trưng bày, quảng bá và bán sản phẩm nông, lâm nghiệp chủ lực tại các khu, điểm du lịch của địa phương.

- Nghiên cứu, bố trí kinh phí địa phương thực hiện hỗ trợ xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi tại các vùng sản xuất tập trung, các công trình giao thông kết nối vùng sản xuất tập trung với các trục giao thông chính và các công trình hạ tầng thiết yếu khác phục vụ sản xuất, tiêu thụ sản phẩm; chuyển giao khoa học công nghệ về giống, thâm canh, thu hoạch, bảo quản, chế biến sản phẩm; xúc tiến

thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm chủ lực và đặc sản có giá trị kinh tế cao; đầu tư hạ tầng và các tiện ích phát triển nông lâm nghiệp gắn với các loại hình du lịch (du lịch nông nghiệp, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, ...) nhằm thúc đẩy xây dựng nông thôn mới bền vững, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, nhất là các sản phẩm OCOP góp phần phát huy lợi thế, giá trị khác biệt của nông nghiệp, nông thôn và nông dân.

## **6. Về xây dựng mô hình**

Xây dựng và nhân rộng các mô hình khuyến nông ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ đối với các cây trồng, vật nuôi gắn với liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm: sử dụng giống mới có năng suất, chất lượng cao; rải vụ thu hoạch; chống chịu tốt với sâu bệnh hại, thích ứng với biến đổi khí hậu; quy trình tưới nước tiết kiệm; mô hình thâm canh bền vững; áp dụng quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM); sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ,...; chăn nuôi an toàn sinh học; mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm,... nhằm chuyển giao và nhân rộng tiến bộ kỹ thuật cho người sản xuất; giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế, giảm ô nhiễm môi trường và bảo vệ sức khỏe của người sản xuất và người tiêu dùng.

Xây dựng mô hình phát triển nông lâm nghiệp, nông lâm kết hợp bền vững gắn với du lịch sinh thái, tạo giá trị kinh tế và quảng bá thương hiệu nông lâm sản của địa phương.

## **7. Về xây dựng và phát triển thương hiệu, mở rộng thị trường tiêu thụ**

- Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị; tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm.

- Triển khai chương trình OCOP đi vào chiều sâu, nâng cao chất lượng sản phẩm, tập trung phát triển sản phẩm OCOP đối với các sản phẩm chủ lực, đặc sản và có tiềm năng.

- Chú trọng xây dựng nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm cây trồng, vật nuôi chủ lực, đặc sản của địa phương và tổ chức quản lý, phát triển và bảo vệ nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý đã được cấp văn bằng bảo hộ.

## **8. Về đào tạo, tập huấn**

Quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức phòng chuyên môn thuộc UBND xã phụ trách lĩnh vực nông, lâm nghiệp. Nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý các doanh nghiệp, hợp tác xã. Tăng cường công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn, tập huấn cho người dân. Tổ chức tham quan học tập các mô hình: sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm; sản xuất nông nghiệp kết hợp du lịch;... mang lại hiệu quả kinh tế cao trong và ngoài tỉnh.

## **9. Kinh phí thực hiện**

Nguồn kinh phí lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia, chương

trình, dự án, kế hoạch khác có liên quan theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; huy động các nguồn lực tài chính hợp pháp từ các nhà tài trợ, tổ chức, doanh nghiệp.

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Phòng Kinh tế**

- Là cơ quan Thường trực, chịu trách nhiệm tham mưu, theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch này, định kỳ hàng năm hoặc đột xuất tham mưu cho UBND xã báo cáo tình hình thực hiện gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan và các thôn trên địa bàn rà soát các nội dung quy định tại các văn bản hướng dẫn thực hiện các cơ chế chính sách đặc thù của tỉnh khuyến khích đầu tư, phát triển nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, rà soát các cơ chế, chính sách xúc tiến thương mại, thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm nông lâm nghiệp chủ lực, đặc sản của tỉnh.

- Tham mưu đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, thu hút các doanh nghiệp ký kết hợp đồng thu mua nông sản tại các vùng trồng được cấp mã số, đảm bảo an toàn thực phẩm tạo thuận lợi cho tiêu thụ nông sản trong nước và xuất khẩu. Xây dựng và triển khai thực hiện hoạt động khuyến công nông thôn trong chuyển giao công nghệ, hỗ trợ trang thiết bị, dây chuyền cho các mô hình sơ chế, chế biến, phân loại, bảo quản sản phẩm.

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan và các thôn trên địa bàn tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; hướng dẫn đôn đốc các thôn triển khai thực hiện.

- Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân xã bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch theo phân cấp ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật hiện hành.

### **2. Phòng Văn hóa – Xã hội**

- Phối hợp, đề xuất điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách có liên quan tới hỗ trợ tăng cường năng lực nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ và tiến bộ kỹ thuật.

- Phối hợp với phòng Kinh tế và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện giải pháp chuyển đổi số trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ các sản phẩm nông, lâm nghiệp.

### **3. Trung tâm Dịch vụ công ích**

Phối hợp với phòng Kinh tế xã tham mưu thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến các nội dung trọng tâm, cốt lõi của Kế hoạch này đến các tổ chức, cá nhân và Nhân dân trên địa bàn bằng các hình thức đa dạng, chuyên mục theo từng sản phẩm chủ lực trên hệ thống loa truyền thanh cơ sở; các tin, bài phát thanh truyền hình; nhằm đảm bảo công tác tuyên truyền có chất lượng và đạt hiệu quả.

### **4. Các thôn trên địa bàn**

- Phối hợp tăng cường công tác tuyên truyền, thông tin, phổ biến sâu rộng nội

dung của Kế hoạch đến các tổ chức, cá nhân, cộng đồng người dân nông thôn, doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn.

- Vận động nhân dân áp dụng các tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất, phát triển sản xuất an toàn theo hướng tiêu chuẩn GAP, hữu cơ. Hỗ trợ củng cố và phát triển các hợp tác xã, tổ hợp tác, theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ, mã số vùng trồng, liên kết với các doanh nghiệp trên địa bàn để tiêu thụ nông sản cho người dân.

### **5. Chế độ báo cáo**

Định kỳ hàng năm (*từ ngày 10/11 đến ngày 13/11*) các cơ quan, đơn vị có liên quan và các thôn trên địa bàn báo cáo kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch này về Ủy ban nhân dân xã (*qua phòng Kinh tế xã*). Phòng Kinh tế tổng hợp, tham mưu báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch này, báo cáo UBND xã gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh **trước ngày 20/11 hàng năm**.

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh cần sửa đổi, bổ sung, các cơ quan, đơn vị và các thôn trên địa bàn chủ động gửi ý kiến về phòng Kinh tế xã để tổng hợp, báo cáo UBND xã xem xét, giải quyết kịp thời ./.

#### **Nơi nhận:**

- Sở NN & MT tỉnh (b/c);
- TT Đảng ủy, TT HĐND xã (b/c);
- UB MTTQ VN xã;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND xã;
- Các phòng chuyên môn thuộc UBND xã;
- Các thôn trên địa bàn;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nông Văn Tùng**